

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10/09/2021

*V/v: “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bùi Thế Hanh

2/ Ông Lê Thanh Miện

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi- Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 09 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 04 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXX ST- HNGĐ ngày 24 tháng 08 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1998 (*có mặt*)

KHTT: Thôn Thống Nhất, xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Thôn Hồng Phong, xã Mạn Lan, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Dương Văn Đ- sinh năm 1991 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: thôn Hồng Phong, xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Anh Dương Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 05/04/2021, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Dương Văn Đ cưới nhau ngày 14/4/2016 trước khi kết hôn vợ chồng có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy Ban nhân dân xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh Đ làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình nhà anh Đ. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ nhiều lần đánh đập chị. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 12/2019 đến nay, vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Chị và anh Đ chính thức ly

thân từ tháng 12/2019 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Dương Văn Đ không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương Văn Đ.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 02 con chung là: Dương Văn Đĩnh, sinh ngày 12/12/2015 và Dương Bảo Nhi, sinh ngày 30/10/2017, hiện nay con chung đang ở với bố. Ly hôn chị xác định hiện nay chị đi làm công nhân, chỗ ở không ổn định. Hơn nữa cháu Đĩnh và cháu Nhi đang ở với bố phát triển bình thường vì vậy chị Đề nghị để anh Dương Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung Dương Văn Đĩnh và Dương Bảo Nhi. Chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ là 1.000.000đồng/tháng/con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi kể từ tháng 9/2021.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác: Chị xác định vợ chồng không có, ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Văn Đ trình bày: anh và chị L kết hôn với nhau 2014, trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi vợ chồng kết hôn chị L về nhà anh làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình nhà anh. Cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh cũng không biết là do cái gì. Đến khi chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở anh cũng không biết tại sao. Chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2019. Sau khi chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở anh có lên nhà đón chị L về để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị L không về. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai gia đình tiến hành hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị L không còn. Chị L xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh Đ xác định vợ chồng có hai con chung là Dương Văn Đĩnh, sinh ngày 12/12/2015 và Dương Bảo Nhi, sinh ngày 30/10/2017. Hiện nay cả hai con chung đang ở với anh. Ly hôn chị L đề nghị để anh nuôi cả hai con chung thì anh đồng ý vì anh cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung. Anh yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là 2.000.000đ/tháng/02 con tức là 1.000.000đồng/tháng/con. Hiện nay anh đang làm công nhân, thu nhập bình quân khoảng 7.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, nhà ở, quyền sử dụng đất và các vấn đề khác: anh xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35 Điều 147, Điều 227 Điều 271, Điều 273; của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị L được ly hôn anh Đ

Về con chung: Giao cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Dương Văn Đình, sinh ngày 12/12/2015 và Dương Bảo Nhi, sinh ngày 30/10/2017.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ là 1.000.000đồng/con /tháng kể từ tháng 9/2021 cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Về án phí: Buộc chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự được biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện ngày 05/04/2021 của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa là có căn cứ. Anh Lê Tuấn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào §100 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trên thực tế chị L có khai chị và anh Đ kết hôn vào ngày 14/4/2016 nhưng anh Đ khai vợ chồng kết hôn năm 2014. Nội dung này, Tòa án căn cứ vào Trích lục kết hôn và biên bản xác minh tại UBND xã Bắc Lý đủ điều kiện để xác nhận thời điểm anh Đ kết hôn với chị L là vào ngày 14/4/2016. Trong quá trình chung sống chị L và anh Đ có mâu thuẫn, chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ năm 2019. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh Đ và anh Đ đã đồng ý ly hôn với chị L nhưng anh Đ không nhất trí lên Tòa án làm việc. Anh Đ đã có đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy cả chị L và anh Đ đều không có nguyện vọng tiếp tục chung sống nên cần xử cho chị L được ly hôn anh Đ là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Chị L và anh Đ cùng xác định vợ chồng có 02 con chung là Dương Văn Đình, sinh ngày 12/12/2015 và Dương Bảo Nhi, sinh ngày 30/10/2017. Hiện nay cả hai con chung đang ở cùng với anh Đ. Vợ chồng ly hôn chị L đề nghị để anh Đ nuôi cả hai con chung và anh Đ đồng ý nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh Đ đề nghị chị L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ mỗi cháu là 1.000.000/tháng/con. Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu của anh Đ là chính đáng và đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa chị L cũng nhất trí với yêu cầu của anh Đ.

Vì vậy, cần buộc chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ mỗi con là 1.000.000đồng/tháng/ con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi từ tháng 9/2021 là có căn cứ.

[5]. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất, ruộng đất và các quan hệ khác*: chị L và anh Đ cùng xác định vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên Hội đồng xét xử không xem xét là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Dương Văn Đ.

Về con chung: Giao cho anh Dương Văn Đ được nuôi dưỡng hai con chung Dương Văn Đình, sinh ngày 12/12/2015 và Dương Bảo Nhi, sinh ngày 30/10/2017. Chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ mỗi con chung là 1.000.000đ/tháng/ con kể từ tháng 9/2021 cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị L được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật chị L không cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ theo quyết định nêu trên thì anh Đ có quyền làm đơn thi hành án yêu cầu chị Nguyễn Thị L phải thanh toán tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Kể từ ngày anh Đ có đơn thi hành án chị L còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với khoản tiền chưa thanh toán.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000594 ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Chị L còn phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND H. Hiệp Hòa;
- Chi cục THA DS H. Hiệp Hòa;
- Ủy ban nhân dân xã Bắc Lý;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hương Lan

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hương Lan

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND H. Hiệp Hòa;
- Chi cục THA DS H. Hiệp Hòa;
- Ủy ban nhân dân xã Bắc Lý;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hương Lan

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Kim Oanh Nguyễn Thị Hoa

Hoàng Thị Hương Lan

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Toàn